

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM THI CÁC MÔN THI
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2016 - PHÒNG THI SỐ 14

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm					Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Ngoại ngữ	Tin học	Viết chuyên ngành	TN chuyên ngành	Kiến thức chung				
1	575	Đào Thùy	Dương	Nữ	24/7/1982	11.1	CNTT	50.00		97.50	92.00	74.00		361.00		Miễn thi tin học
2	576	Hoàng Văn	Nam	Nam	15/8/1989	11.1	CNTT	50.00		91.50	100.00	66.50	20.00	369.50		Miễn thi tin học
3	577	Dương Thị	Phượng	Nữ	10/10/1989	11.1	CNTT	88.00		100.00	100.00	72.50	20.00	392.50	X	Miễn thi tin học
4	578	Nguyễn Ngọc	Thơ	Nam	28/6/1989	11.1	CNTT									Bỏ thi
5	579	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	08/3/1990	11.1	CNTT	52.00	80.00	91.00	100.00	87.00		369.00		
6	580	Hồ Đăng	Tuế	Nam	20/6/1991	11.1	CNTT	50.00		32.00	48.00	72.75	20.00	204.75		Miễn thi tin học
7	581	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	25/11/1992	11.1	CNTT	50.00		64.50	88.00	86.50		303.50		Miễn thi tin học
8	582	Đình Hữu	An	Nam	05/11/1991	11.2	CNTT	50.00		44.00	88.00	65.00		241.00		Miễn thi tin học
9	583	Võ Hùng	Mạnh	Nam	21/9/1989	11.2	CNTT	50.00		44.00	80.00	52.50		220.50		Miễn thi tin học
10	584	Nguyễn Bình	Minh	Nam	18/8/1988	11.2	CNTT	50.00		90.50	100.00	84.50		365.50		Miễn thi tin học
11	585	Nguyễn Thế	Vượt	Nam	06/8/1990	11.2	CNTT	55.00		98.00	96.00	85.00		377.00	X	Miễn thi tin học
12	586	Đàm Ngọc	Châu	Nam	26/7/1989	11.3	CNTT	56.00		86.50	88.00	80.50		341.50		Miễn thi tin học
13	587	Nguyễn Thanh	Đàn	Nam	04/9/1989	11.3	CNTT			98.50	100.00	78.50		375.50		Miễn thi: ngoại ngữ, tin học
14	588	Bùi Anh	Đức	Nam	03/4/1992	11.3	CNTT	85.00		80.00	100.00	66.50		326.50		Miễn thi tin học
15	589	Phạm Anh	Dũng	Nam	19/01/1992	11.3	CNTT	50.00		90.25	100.00	85.50	20.00	386.00		Miễn thi tin học
16	590	Trần Xuân	Hải	Nam	15/5/1990	11.3	CNTT	50.00		89.25	96.00	71.00	20.00	365.50		Miễn thi tin học

ĐL

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm					Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú	
								Ngoại ngữ	Tin học	Viết chuyên ngành	TN chuyên ngành	Kiến thức chung					
17	591	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	09/6/1981	11.3	CNTT										Bỏ thi
18	592	Trần Vũ	Như	Nam	10/12/1992	11.3	CNTT	52.00		92.50	92.00	85.50		362.50			Miễn thi tin học
19	593	Hoàng Việt	Triều	Nam	27/7/1988	11.3	CNTT	60.00		98.50	100.00	97.00	20.00	414.00	X		Miễn thi tin học
20	594	Dương Thị Thái	Bảo	Nữ	29/9/1993	12.1	TrgT	60.00	64.00	30.00	68.00	85.50		213.50			
21	595	Nguyễn Thanh	Bình	Nữ	10/10/1992	12.1	TrgT	50.00	64.00	67.00	60.00	86.00		280.00			
22	596	Lâm Thị	Giang	Nữ	10/02/1994	12.1	TrgT	50.00	56.00	25.00	80.00	84.00	20.00	234.00			
23	597	Từ Đức	Hóa	Nam	06/3/1984	12.1	TrgT										Bỏ thi
24	598	Dương Thị	Lan	Nữ	08/9/1993	12.1	TrgT	72.00	80.00	50.00	72.00	85.50		257.50			
25	599	Nguyễn Thị	Năm	Nữ	18/01/1993	12.1	TrgT	58.00	96.00	47.00	96.00	83.00		273.00			
26	600	Trương Thị Dung	Nhi	Nữ	26/02/1994	12.1	TrgT	51.00	64.00	25.00	80.00	82.50		212.50			
27	601	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	20/02/1993	12.1	TrgT	50.00	68.00	24.00	96.00	85.00		229.00			
28	602	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	14/9/1993	12.1	TrgT	52.00	52.00	51.00	88.00	82.00		272.00			
29	603	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	07/9/1994	12.1	TrgT	62.00	72.00	54.00	96.00	85.50		289.50			
30	604	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	05/3/1994	12.1	TrgT	63.00	64.00	87.00	100.00	80.50		354.50	X		
31	605	Cao Thế	Cảnh	Nam	23/9/1988	12.2	TrgT	84.00	72.00	57.00	100.00	76.00	10.00	300.00			
32	606	Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	26/3/1993	12.2	TrgT	72.00	72.00	84.00	100.00	80.25		348.25	X		
33	607	Trần Thị Như	Phương	Nữ	06/8/1993	12.2	TrgT	50.00	72.00	50.00	84.00	82.50		266.50			
34	608	Cao Văn	Thọ	Nam	04/4/1988	12.2	TrgT	52.00	68.00	54.00	100.00	86.00	20.00	314.00			
35	609	Lê Nhật	Khoa	Nam	02/12/1988	16.1	ThL	82.00	92.00	85.00	100.00	90.00		360.00	X		
36	610	Hoàng Hữu	Phước	Nam	05/4/1992	16.1	ThL										Bỏ thi
37	611	Nguyễn Duy	Phương	Nam	28/8/1988	16.1	ThL	74.00	84.00	83.00	100.00	83.50		349.50			

21

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm					Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
								Ngoại ngữ	Tin học	Viết chuyên ngành	TN chuyên ngành	Kiến thức chung				
38	612	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	10/9/1989	16.1	ThL	54.00	76.00	83.00	100.00	77.00		343.00		
39	613	Nguyễn Thanh	Hà	Nam	27/12/1992	13.1	XDGT	50.00	72.00	54.25	88.00	77.00		273.50		
40	614	Lê Xuân	Hùng	Nam	30/5/1991	13.1	XDGT	40.00	64.00	63.00	100.00	60.00		286.00		
41	615	Đặng Phúc	Minh	Nam	17/6/1988	13.1	XDGT									Bỏ thi
42	616	Trần Ngọc	Quang	Nam	18/4/1991	13.1	XDGT	80.00	76.00	97.00	100.00	98.75		392.75	X	
43	617	Phạm Xuân	Trường	Nam	12/4/1982	13.1	XDGT	50.00	68.00	65.00	100.00	63.00	20.00	313.00		

Quảng Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2016 *DT*

CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
 Trần Tiến Dũng